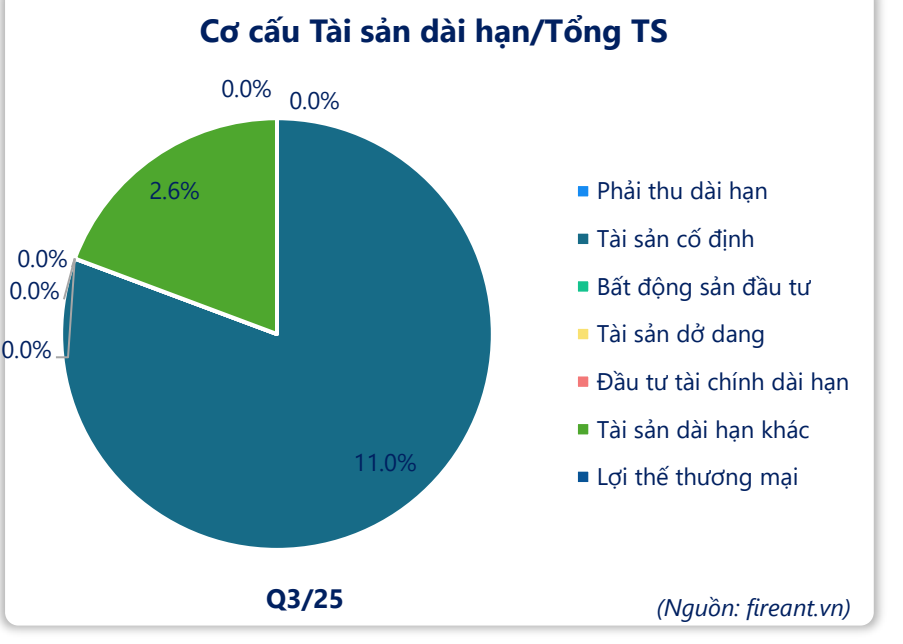
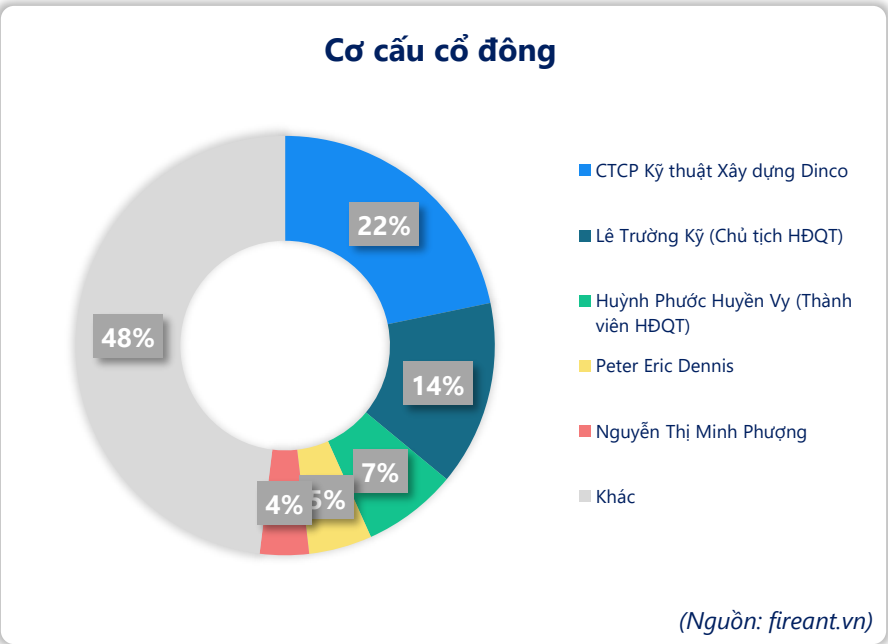
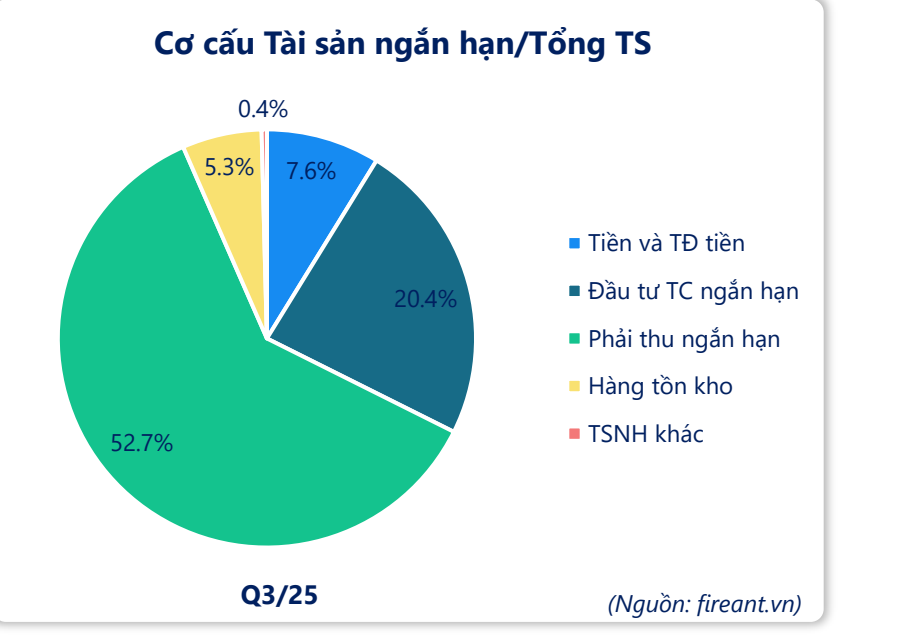
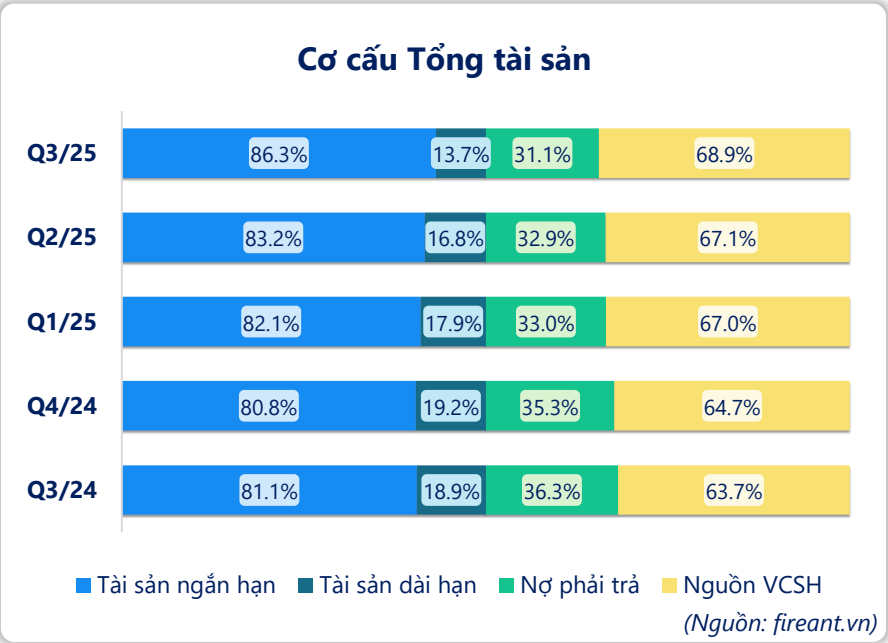
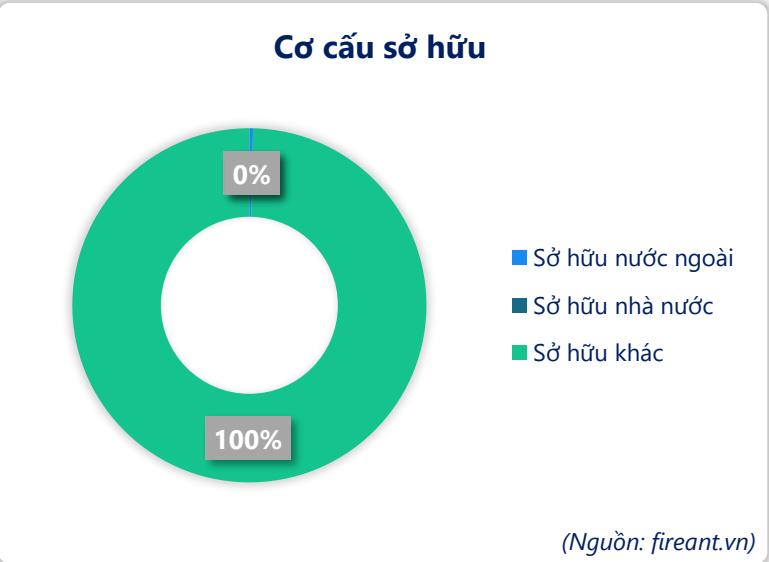
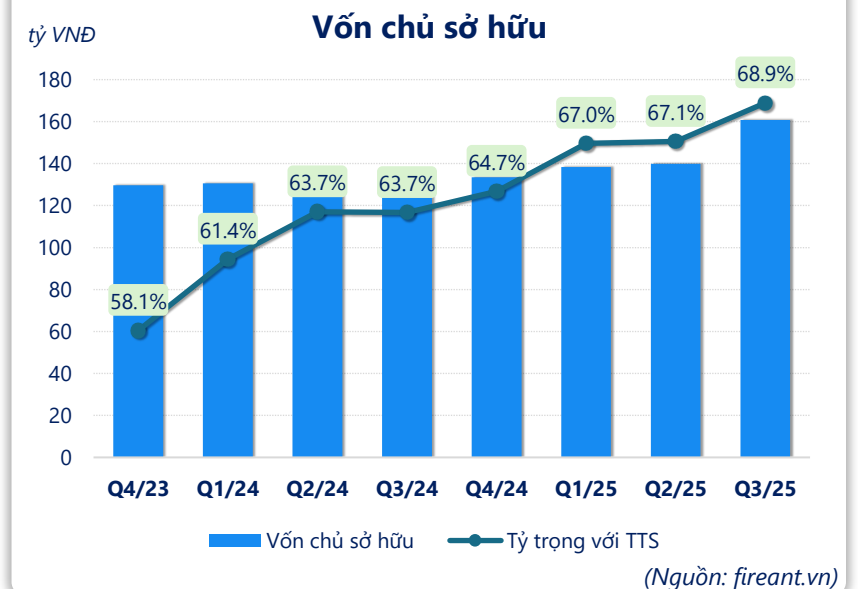
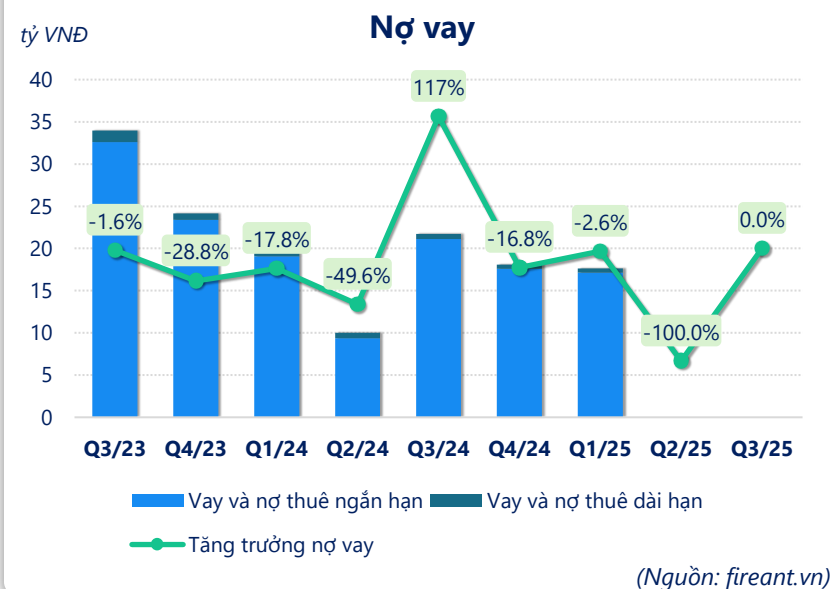
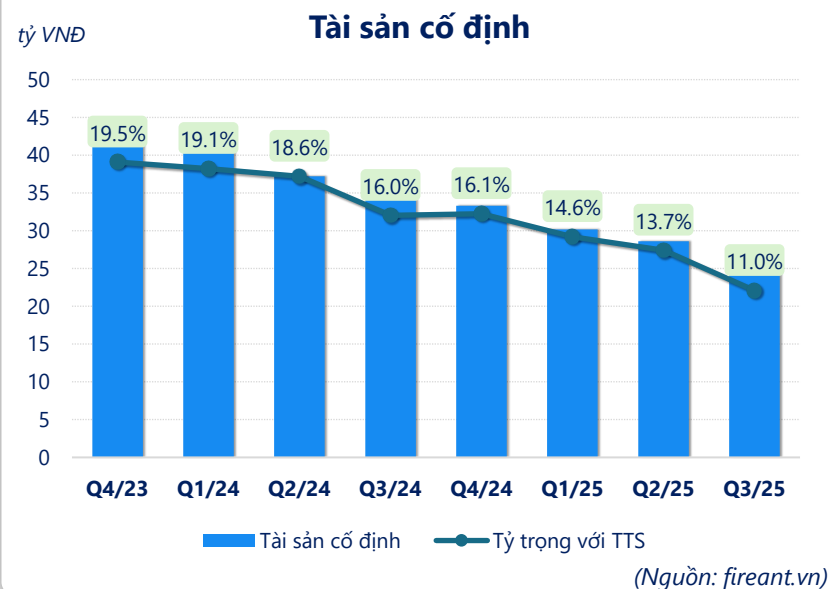
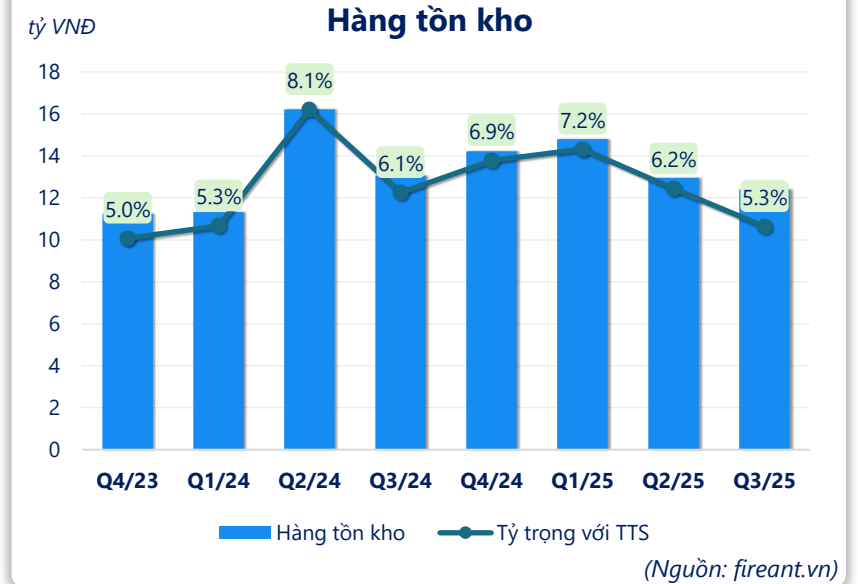
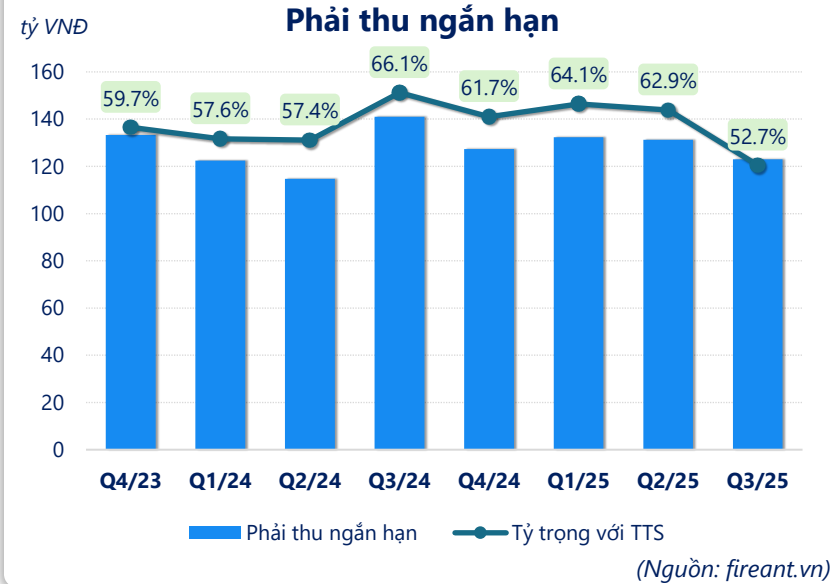
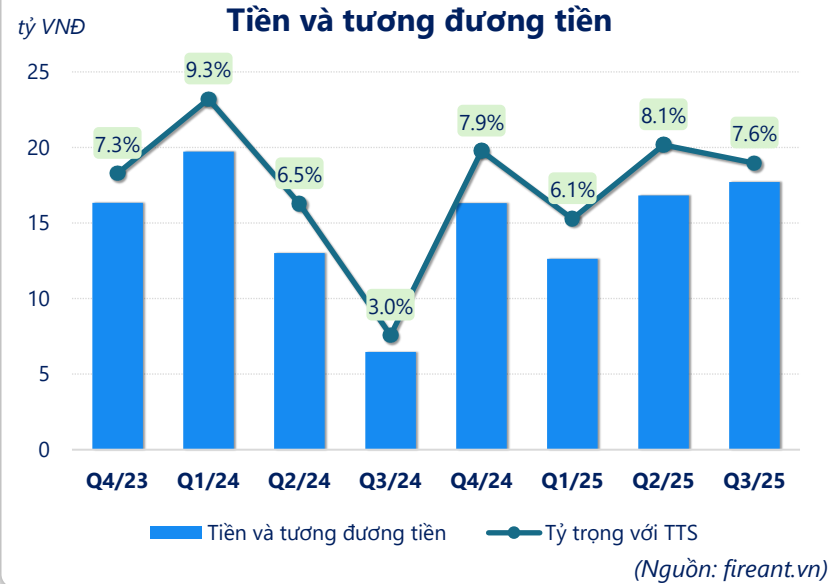
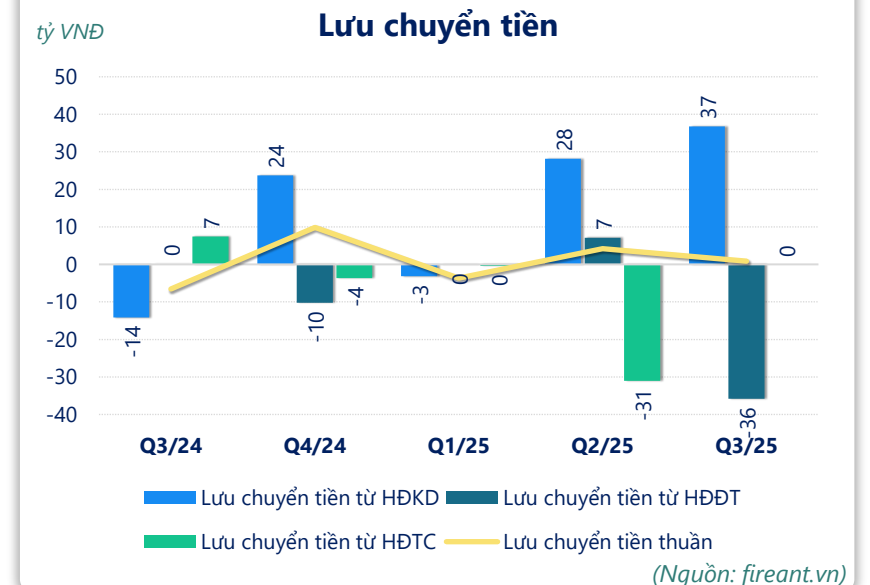
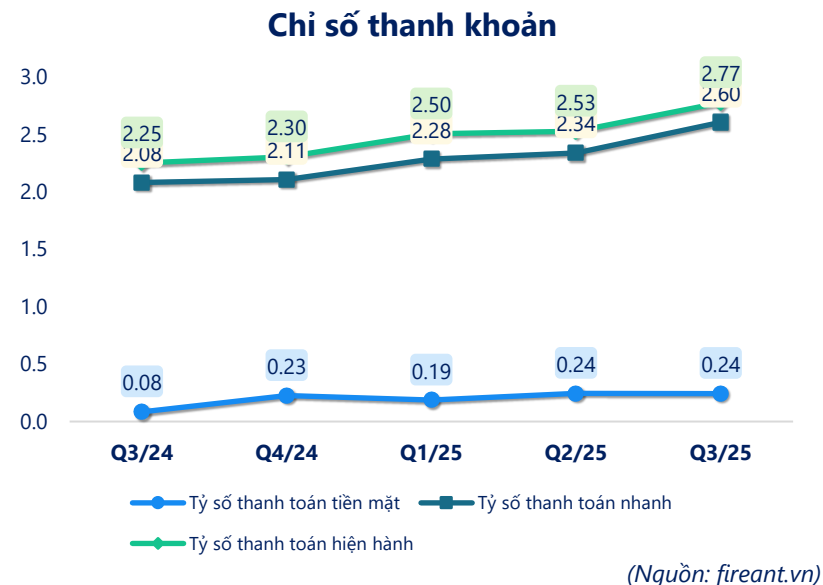
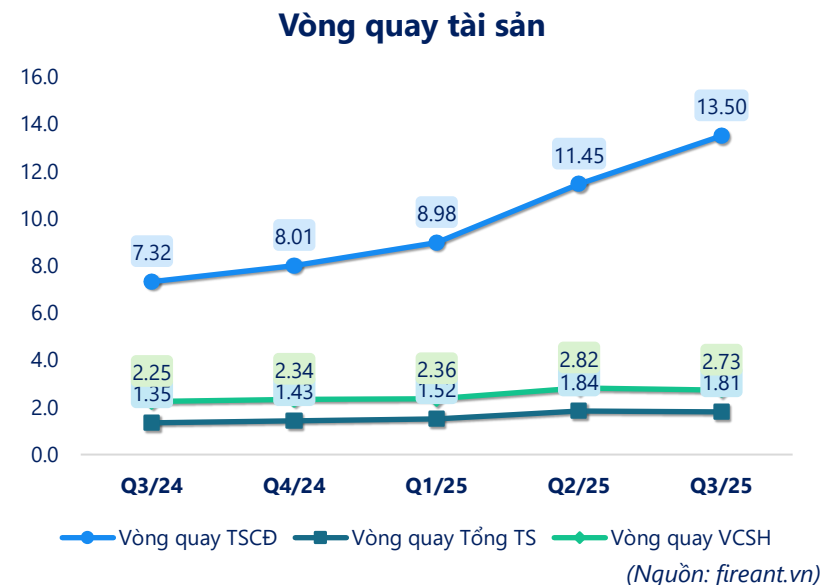
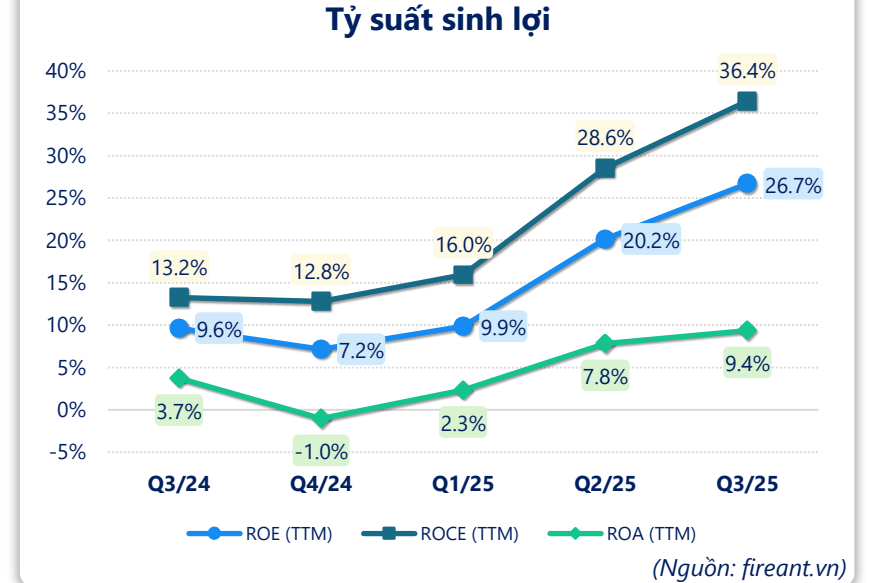
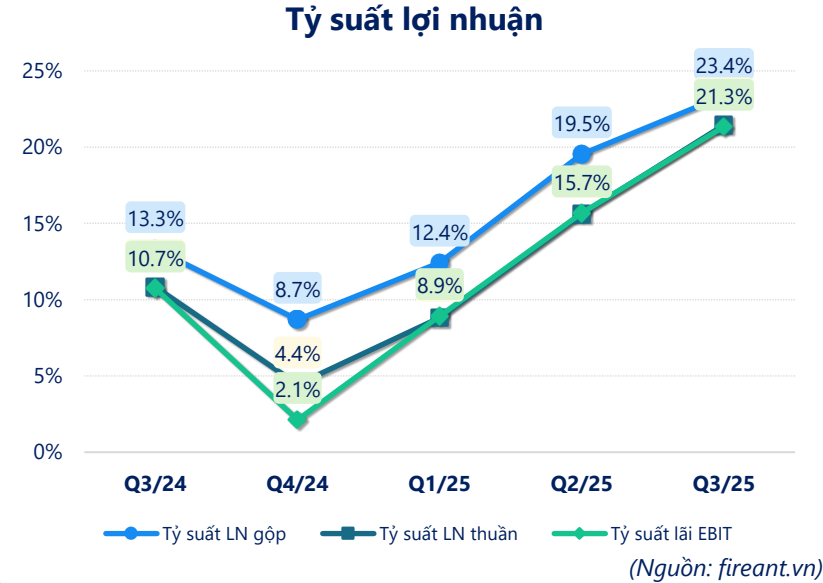
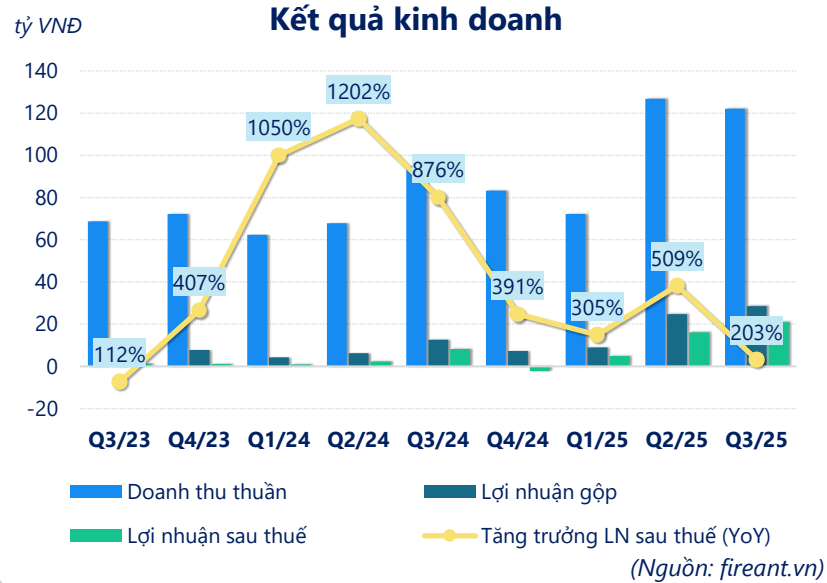


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,719
SL cổ phiếu LH		8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,715
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		180
P/E		4.5
EPS		4,442

	YTD	1T	3T	6T
PDB	121.0%	6.3%	60.3%	127.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	233	207	13.0%
Tài sản ngắn hạn	201	167	20.7%
Tiền và tương đương tiền	17.7	16.3	8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.5	8.01	493%
Phải thu ngắn hạn	123	127	-3.5%
Hàng tồn kho	12.4	14.2	-12.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.82	0.89	-7.2%
Tài sản dài hạn	31.9	39.6	-19.5%
Phải thu dài hạn	0	0.05	-100%
Tài sản cố định	25.8	33.3	-22.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.39	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.17	5.92	4.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.6	73.0	-0.6%
Nợ ngắn hạn	72.6	72.6	0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.8	46.1	19.0%
Nợ dài hạn	0	0.47	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.47	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	161	134	20.4%
Vốn chủ sở hữu	161	134	20.4%
Vốn điều lệ	89.1	89.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	94.6	83.2	72.2	127	122
Giá vốn hàng bán	82.0	76.0	63.2	102	93.5
Lợi nhuận gộp	12.6	7.23	8.98	24.8	28.5
Doanh thu HĐTC	0.07	0.21	0.27	0.26	0.24
Chi phí TC	-0.26	0.30	0.21	0.05	0.00
Chi phí lãi vay	0.19	0.30	0.21	0.05	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.57	0.67	0.54	0.66	0.69
Chi phí QLDN	2.11	2.77	2.14	4.52	1.90
LN thuần từ HĐKD	10.3	3.70	6.36	19.8	26.2
Lợi nhuận khác	-0.28	-2.23	-0.12	0.01	-0.13
LN trước thuế	9.97	1.47	6.24	19.8	26.0
Lợi nhuận sau thuế	8.29	-2.20	4.87	16.0	20.9
LNST của CĐ cty mẹ	8.26	-2.20	4.88	16.0	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.1	23.7	-3.14	28.1	36.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.13	-10.2	-0.08	7.10	-35.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.45	-3.66	-0.46	-31.0	0
Tiền đầu kỳ	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8
Lưu chuyển tiền thuần	-6.56	9.85	-3.68	4.20	0.88
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.46	16.3	12.6	16.8	17.7

(Nguồn: fireant.vn)